

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH: LUẬT KINH TẾ

Tên chương trình (tiếng Việt): **LUẬT KINH TẾ**

Tên chương trình (tiếng Anh): **Economic Law**

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Mã ngành: 8380107

Hình thức đào tạo: Chính quy

Khoa quản lý: Luật

TP. HỒ CHÍ MINH, NĂM 2025

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số: 1442/QĐ-DCT ngày 29 tháng 04 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh)*

Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt): LUẬT KINH TẾ

Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh): Economic Law

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Ngành đào tạo: Luật kinh tế

Mã ngành: 8380107

Lĩnh vực: Hành chính – Pháp lý

Hình thức đào tạo: Chính quy

Thông tin về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo:

Chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế trình độ thạc sĩ của Trường được xây dựng theo định hướng đăng ký đánh giá ngoài cấp chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành (MOET).

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu đào tạo (Đối với chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng nghiên cứu)

1.1.1. Mục tiêu tổng quát

Chương trình này tập trung vào việc đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành Luật kinh tế theo định hướng nghiên cứu có phẩm chất chính trị, có kiến thức khoa học chuyên sâu về kinh tế, văn hóa xã hội và pháp lý, kỹ năng nghiên cứu khoa học kết hợp giữa lý thuyết với thực tiễn đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực phát triển kinh tế - xã hội trong quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa, góp phần tích cực vào sự nghiệp phát triển và bảo vệ Tổ quốc Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

1.1.2. Mục tiêu cụ thể

Đào tạo Thạc sĩ Luật kinh tế theo định hướng nghiên cứu đáp ứng mục tiêu cụ thể sau:

a. Về kiến thức

Chương trình Thạc sĩ ngành Luật kinh tế theo định hướng nghiên cứu sẽ trang bị cho người học kiến thức lý thuyết và thực tế chuyên sâu ngành luật kinh tế và liên ngành trong lĩnh vực kinh tế, xã hội, khoa học và kỹ thuật.

- Nắm vững các phương pháp và kiến thức pháp luật trong lĩnh vực kinh tế vào thực tiễn, xử lý số liệu nghiên cứu, phục vụ cho nghiên cứu khoa học pháp lý

- Cung cấp cho học viên các kỹ năng tổng hợp và tư duy kiến thức nâng cao về phương pháp nghiên cứu trong lĩnh vực pháp luật kinh tế. Thông qua quá trình học tập

và trải nghiệm các học phần được tích hợp kiến thức chuyên sâu, nghiên cứu các lý thuyết nền tảng có tính cập nhật cao trong từng lĩnh vực chuyên môn khoa học pháp lý của ngành luật kinh tế.

b. Về kỹ năng

- Chương trình đào tạo Thạc sĩ theo hướng nghiên cứu giúp người học có năng lực tư duy phản biện, đánh giá được các nguồn thông tin phù hợp với năng lực nghiên cứu quy phạm pháp luật để giải quyết các tình huống pháp lý trong thực tiễn có hiệu quả.

- Chương trình chú trọng đổi mới và sử dụng các công nghệ phù hợp với việc tạo tính tự tổ chức triển khai nghiên cứu, trải nghiệm độc lập, đạo đức liêm chính, tôn trọng sở hữu trí tuệ trong ứng dụng để tìm ra những giải pháp đáp ứng yêu cầu của chủ thể kinh doanh thương mại.

- Giúp người học có kỹ năng nhận diện quy định pháp luật kinh tế linh hoạt trong việc sử dụng, xử lý dữ liệu, kỹ năng truyền bá, phổ biến tri thức pháp luật, cần trọng, cầu thị, tôn trọng đạo đức nghề nghiệp và sở hữu trí tuệ

- Thành thạo kỹ năng phân tích, bình luận kết quả nghiên cứu để đưa ra các giải pháp thực tiễn dịch vụ pháp lý và thực hiện kiến thức pháp luật trong hoạt động quản lý, quản trị, điều hành của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tạo ra những hiểu biết mới, giải quyết được vấn đề mới đặt ra trong thời đại công nghệ số.

- Có kỹ năng trình bày, lập luận trong nghiên cứu kết hợp với thực tiễn ứng dụng văn phong pháp sử dụng thành thạo ngôn ngữ tiếng anh từ bậc 4 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ bậc 6 cho Việt Nam. Có kỹ năng thực hành nghề luật, khả năng xây dựng nhóm dự án, quản lý nhóm thực hiện các nhiệm vụ ứng dụng được giao cũng như hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ và khả năng quản lý, đánh giá, cải tiến điều hành chuyên môn nghiên cứu để nâng cao hiệu quả hành nghề luật kinh tế phục vụ tốt nhu cầu hội nhập toàn cầu hóa trong nền kinh tế thị trường ở nước ta.

c. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

Chương trình đào tạo giúp người học xây dựng ý thức trách nhiệm đối với cá nhân, cộng đồng, ý thức phục vụ đất nước và đạo đức nghề nghiệp; có khả năng tự học tập nghiên cứu, tiếp tục học tập ở bậc cao hơn trong khoa học pháp lý và khoa học xã hội; có tinh thần thượng tôn pháp luật, bảo vệ công lý, dám đấu tranh bảo vệ lẽ phải, lẽ công bằng.

1.2. Mục tiêu đào tạo (Đối với chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng ứng dụng)

1.2.1. Mục tiêu tổng quát

Chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành Luật kinh tế theo định hướng ứng dụng đào tạo nguồn nhân lực cao có phẩm chất chính trị vững vàng, có kiến thức chuyên sâu về pháp luật kinh tế, dày dặn kỹ năng ứng dụng, kinh nghiệm thực tế tương thích với quy định của pháp luật nhằm nâng cao giá trị thực hành, rút ra những nguyên tắc điều chỉnh của pháp luật đáp ứng nhu cầu thị trường lao động chất lượng để thúc đẩy sự

phát triển kinh tế- xã hội hoàn thành sự nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam chúng ta.

1.2.2. Mục tiêu cụ thể

Đào tạo Thạc sĩ Luật kinh tế theo định hướng ứng dụng đáp ứng mục tiêu cụ thể sau:

a. Về Kiến thức

- Chương trình Thạc sĩ ngành Luật kinh tế theo định hướng ứng dụng sẽ trang bị cho người học kiến thức thực tế chuyên sâu từ thực tiễn áp dụng quy định pháp luật, tiếp cận đến tính tương thích giữa thực tiễn và lý luận của các quy định hiện hành ngành luật kinh tế và liên ngành trong lĩnh vực kinh tế, xã hội, khoa học và kỹ thuật.

- Cung cấp cho học viên các kỹ năng tổng hợp và tư duy sáng tạo vận dụng từ thực tiễn tình huống thực thi pháp luật kinh tế và liên ngành để xác định đúng kiến thức nâng cao, phương pháp ứng dụng trong pháp luật kinh doanh, thương mại trong lĩnh vực kinh tế.

- Thông qua quá trình học tập và trải nghiệm các học phần được tích hợp kiến thức chuyên sâu tương thích với thực tiễn áp dụng, phân tích tình huống, trải nghiệm các thực trạng áp dụng pháp luật theo xu hướng cập nhật thực tiễn của các chủ thể kinh doanh, hoạt động thương mại trong từng lĩnh vực chuyên sâu của ngành luật kinh tế.

b. Về kỹ năng

- Chương trình đào tạo Thạc sĩ theo hướng ứng dụng giúp người học có kỹ năng phản biện, đánh giá theo khoa học pháp lý.

- Có kỹ năng nắm bắt, xử lý được các nguồn thông tin phù hợp với năng lực tiếp cận thực tiễn ứng dụng quy phạm pháp luật của các tổ chức, cá nhân để giải quyết các vấn đề đặt ra trong từng tình huống pháp lý một cách có hiệu quả.

- Chương trình chú trọng đổi mới và sử dụng các công nghệ phù hợp giúp người học có kỹ năng tự tổ chức triển khai thực hành, trải nghiệm độc lập, liêm chính, tôn trọng sở hữu trí tuệ trong ứng dụng để tìm ra những luận điểm lý thuyết đáp ứng yêu cầu của chủ thể kinh doanh thương mại và thị trường.

- Có kỹ năng sử dụng linh hoạt và xử lý dữ liệu, kỹ năng truyền bá, phổ biến tri thức pháp luật, cân trọng, cầu thị, tôn trọng đạo đức nghiên cứu và sở hữu trí tuệ khi phân tích kết quả nghiên cứu để đưa ra các giải pháp thực tiễn dịch vụ pháp lý và thực hiện kiến thức pháp luật trong hoạt động quản lý, quản trị, điều hành của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tạo ra những hiểu biết mới, giải quyết được vấn đề mới đặt ra trong thời đại công nghệ số.

- Có kỹ năng trình bày, hướng dẫn người khác ứng dụng quy định vào thực tiễn theo văn phong pháp lý để trải nghiệm kết hợp với việc sử dụng thành thạo ngôn ngữ tiếng anh từ bậc 4 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ bậc 6 cho Việt Nam.

- Có kỹ năng thực hành nghệ thuật, khả năng xây dựng nhóm dự án, quản lý nhóm thực hiện các nhiệm vụ ứng dụng được giao cũng như hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ và khả năng quản lý, đánh giá, cải tiến điều hành chuyên môn nghiên cứu để

nâng cao hiệu quả hành nghề luật kinh tế phục vụ tốt nhu cầu hội nhập toàn cầu hóa trong nền kinh tế thị trường ở nước ta.

c. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Chương trình đào tạo giúp cho người học có thái độ trung thực, tính chịu trách nhiệm, trung thành với Tổ quốc, có ý thức chính trị, vững vàng, có tinh thần ủng hộ đổi mới, bảo vệ công lý và quyền con người, có ý thức phục vụ nhân dân, phục vụ cộng đồng, bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Sau khi hoàn thành khóa học, người học có kiến thức, kỹ năng, năng lực thực hành nghề nghiệp pháp lý trong lĩnh vực pháp luật kinh tế, như sau:

2.1. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng nghiên cứu

Sau khi hoàn thành khóa học, người học có kiến thức, kỹ năng, năng lực thực hành nghề nghiệp như sau:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	MĐNL
a	Kiến thức	
PLO1	Áp dụng được kiến thức có hệ thống giữa lý thuyết và thực tế sâu, rộng, tiên tiến trong lĩnh vực pháp lý.	C4
PLO1.1	Phân tích được kiến thức có hệ thống giữa lý thuyết pháp lý và thực tiễn áp dụng quy định pháp lý sâu, rộng, tiên tiến trong lĩnh vực ngành Luật kinh tế.	
PLO1.2	Lựa chọn kiến thức để giải quyết các vấn đề pháp lý từ những tình huống cụ thể trong thực tiễn dựa trên cơ sở lý thuyết các văn bản pháp luật thuộc ngành Luật kinh tế đã học một cách khoa học.	
PLO2	Phân biệt được kiến thức liên ngành có liên quan đến lĩnh vực pháp luật kinh tế trong bối cảnh hội nhập kinh tế thế giới.	C4
PLO2.1	Phân biệt kiến thức pháp lý đã được nghiên cứu, ứng dụng một cách chuẩn xác, khoa học trong quá trình tư vấn pháp luật kinh doanh, thương mại.	
PLO2.2	Đối chiếu được kiến thức liên ngành có liên quan đến lĩnh vực pháp luật kinh tế trong bối cảnh hội nhập kinh tế thế giới.	
PLO3	Phân tích kiến thức tổng hợp chuyên sâu về tổ chức quản trị, hoạt động kinh doanh của các chủ thể kinh doanh, thương mại trong bối cảnh chuyển đổi số.	P4
b	Kỹ năng, phẩm chất cá nhân	
PLO4	Thiết lập kỹ năng nhận thức đầy đủ dữ liệu và thông tin pháp luật kinh tế điều chỉnh để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề lý luận và thực tiễn sinh lời của các chủ thể kinh doanh một cách khoa học.	P4

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	MĐNL
PLO5	Kỹ năng đề xuất sử dụng công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật pháp luật kinh tế để tổ chức, quản trị các hoạt động kinh doanh thương mại tiên tiến vào thực tiễn công việc của người học	A5
PLO6	Áp dụng thành thạo năng lực truyền đạt tri thức từ đơn giản đến phức tạp dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và với những người khác.	P4
PLO6.1	Áp dụng thành thạo năng lực truyền đạt tri thức lý luận từ đơn giản đến phức tạp dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành Luật kinh tế và với những người thuộc ngành khoa học khác.	
PLO6.2	Thể hiện thuần thục các kỹ năng phân tích các điều luật đã học để ứng dụng vào thực tiễn quá trình thực hiện pháp luật về lĩnh vực kinh tế.	
c	Kỹ năng tương tác	
PLO7	Phân tích được các kỹ năng đã học vào thực tiễn ứng dụng những sáng kiến pháp lý quan trọng với trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.	P4
d	Năng lực thực hành nghề nghiệp (Năng lực tự chủ)	
PLO8	Tạo ra được công thức nghiên cứu chuyên sâu hành nghề trong phạm vi ngành luật kinh tế phù hợp với thực tiễn tổ chức, hoạt động kinh doanh, thương mại của các chủ thể kinh doanh trong nền kinh tế thị trường.	R4

Ghi chú: MĐNL (Mức độ năng lực) trong bảng này được đo theo các thang: Kiến thức (Bloom's Taxonomy- Cognitive domain); Kỹ năng hành vi (Bloom's Taxonomy - Psychomotor domain); Kỹ năng cảm xúc- thái độ (Bloom's Taxonomy - Affective domain) và Trình độ năng lực (Crawley-Proficiency Rating scale)

2.2. Bảng ma trận các học phần và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng nghiên cứu

STT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Khối kiến thức	Số TC	Loại HP	Chuẩn đầu ra (PLO)							
							1	2	3	4	5	6	7	8
HỌC PHẦN BẮT BUỘC					27									
1	100409	11100013	Triết học	Chung	4(4,0)	BB	C4				P4	A5	P4	
2	103163	18100021	Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý	Chuyên ngành	2(2,0)	BB	C4					A5		R4
3	103164	18100023	Pháp luật lao động và an sinh xã hội nâng cao	Chuyên ngành	3(3,0)	BB		C4			P4			P4
4	103165	18100025	Các tội phạm kinh tế và phòng, ngừa tội phạm trong hoạt động kinh doanh	Chuyên ngành	3(3,0)	BB		C4					P4	R4
5	103166	18100031	Pháp luật đất đai và kinh doanh bất động sản	Chuyên ngành	3(3,0)	BB				C4			P4	R4
6	103167	18100033	Pháp luật thương mại hàng hóa, dịch vụ và thương mại điện tử nâng cao	Chuyên ngành	2(2,0)	BB				C4			P4	R4
7	103168	18100030	Pháp luật quản lý giá và chất lượng sản phẩm hàng hóa trong kinh doanh, thương mại nâng cao	Chuyên ngành	3(3,0)	BB	C4				P4	A5		
8	103169	18100040	Pháp luật an toàn thực phẩm	Chuyên ngành	2(2,0)	BB				C4	P4			R4

STT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Khối kiến thức	Số TC	Loại HP	Chuẩn đầu ra (PLO)							
							1	2	3	4	5	6	7	8
9	103170	18100045	Pháp luật bảo vệ môi trường trong kinh doanh	Chuyên ngành	2(2,0)	BB	C4			P4	A5			
10	103171	18102037	Kỹ năng giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại	Chuyên ngành	3(2,1)	BB			C4			P4		R4
HỌC PHẦN TỰ CHỌN: 6 tín chỉ (Chọn 03 học phần; mỗi học phần 2 tín chỉ)					6									
1	103175	18100024	Pháp luật tài sản trong hoạt động kinh doanh	Chuyên ngành	2(2,0)	TC		C4				P4		R4
2	103176	18100026	Pháp luật đấu thầu, đấu giá hàng hóa, dịch vụ	Chuyên ngành	2(2,0)	TC		C4				P4		R4
3	103177	18100027	Pháp luật cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng nâng cao	Chuyên ngành	2(2,0)	TC		C4				P4		R4
4	103178	18100028	Pháp luật quyền sở hữu công nghiệp nâng cao	Chuyên ngành	2(2,0)	TC		C4				P4		R4
5	103179	18100029	Tư vấn pháp luật về đầu tư	Chuyên ngành	2(1,1)	TC	C4					P4		R4

STT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Khối kiến thức	Số TC	Loại HP	Chuẩn đầu ra (PLO)							
							1	2	3	4	5	6	7	8
6	103180	18100022	Pháp luật chủ thể kinh doanh	Chuyên ngành	2(2,0)	TC		C4		P4				R4
7	103181	18100032	Pháp luật hợp đồng kinh doanh, thương mại	Chuyên ngành	2(2,0)	TC		C4				P4		R4
8	103182	18100035	Pháp luật phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã	Chuyên ngành	2(2,0)	TC		C4				P4		R4
9	103186	18100046	Pháp luật kinh tế số	Chuyên ngành	2(2,0)	TC		C4		P4		P4		
10	103183	18100036	Pháp luật dịch vụ Logistics và vận tải đa phương thức	Chuyên ngành	2(2,0)	TC	C4		C4				P4	
11	103184	18100038	Tư vấn pháp luật thuế trong kinh doanh, thương mại	Chuyên ngành	2(1,1)	TC	C4		C4				P4	
12	103185	18100039	Pháp luật kinh doanh chứng khoán	Chuyên ngành	2(2,0)	TC			C4	P4	A5			R4
13	103187	18100034	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong kinh doanh, thương mại	Chuyên ngành	2(2,0)	TC		C4		P4	A5			R4

STT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Khối kiến thức	Số TC	Loại HP	Chuẩn đầu ra (PLO)							
							1	2	3	4	5	6	7	8
14	103188	18100042	Pháp luật quản lý ngoại thương	Chuyên ngành	2(2,0)	TC	C4				A5		P4	
15	103189	18100041	Pháp luật ngân hàng	Chuyên ngành	2(2,0)	TC	C4				A5		P4	
CHUYÊN ĐỀ NGHIÊN CỨU, THỰC TẬP					12									
1	103172	18101040	Chuyên đề nghiên cứu 1	Chuyên ngành	3(0,3)	BB		C4			A5	P4		R4
2	103173	18101041	Chuyên đề nghiên cứu 2	Chuyên ngành	3(0,3)	BB			C4		A5			R4
3	103174	18101042	Chuyên đề nghiên cứu 3	Chuyên ngành	3(0,3)	BB		C4			A5		P4	
4	103190	18104047	Thực tập	Chuyên ngành	3(0,3)	BB		C4			A5		P4	
LUẬN VĂN					15									
1	103191	18106043	Luận văn	Chuyên ngành	15(0,15)	BB	C4		C4	P4	A5	P5		
Số lượng học phần đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo							5	10	10	10	13	14	6	18

Ghi chú: () là học phần cốt lõi, thuộc nhóm các học phần bắt buộc (hoặc tự chọn theo định hướng) và phải bao gồm các học phần Thực tập, Chuyên đề nghiên cứu, Luận văn.*

Ma trận này thể hiện mức đóng góp của học phần vào chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) theo thang đo: Kiến thức (Bloom's Taxonomy- Cognitive domain); Kỹ năng hành vi (Bloom's Taxonomy - Psychomotor domain); Kỹ năng cảm xúc- thái độ (Bloom's Taxonomy - Affective domain) và Trình độ năng lực (Crawley-Proficiency Rating scale).

2.3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng ứng dụng

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	MĐNL
a	Kiến thức	
PLO1	Áp dụng được những tình huống có hệ thống giữa lý thuyết và thực tế sâu, rộng, tiên tiến trong lĩnh vực ngành luật kinh tế	C4
PLO1.1	Phân tích được thực trạng áp dụng pháp luật trong từng tình huống cụ thể của các chủ thể kinh doanh để khẳng định tính đúng đắn hay bất cập của kiến thức lý luận sâu, rộng, tiên tiến trong lĩnh vực khoa học pháp luật kinh tế	
PLO1.2	Lựa chọn các tình huống ứng dụng trong thực tiễn để giải quyết các vấn đề pháp lý từ những thực trạng áp dụng cụ thể ngành luật kinh tế định hướng ứng dụng trong thực tiễn chứng minh tính đúng đắn cơ sở lý thuyết đã học một cách khoa học.	
PLO2	Phân biệt được các tình huống thực tế liên ngành có liên quan đến lĩnh vực pháp luật kinh tế trong bối cảnh hội nhập kinh tế thế giới	C4
PLO2.1	Phân biệt ứng dụng một cách chuẩn xác tình huống pháp lý phù hợp với kiến thức ngành luật kinh tế đã được trải nghiệm nâng cao giá trị khoa học trong quá trình tư vấn pháp luật kinh doanh, thương mại.	
PLO2.2	Đối chiếu được tình huống ứng dụng thực tiễn liên ngành có liên quan đến lĩnh vực pháp luật kinh tế trong bối cảnh hội nhập kinh tế thế giới.	
PLO3	Phân tích thực trạng áp dụng pháp luật tổng hợp chuyên sâu về tổ chức quản trị, hoạt động của các chủ thể kinh doanh, thương mại trong bối cảnh chuyển đổi số.	P4
b	Kỹ năng, phẩm chất cá nhân	
PLO4	Thiết lập kỹ năng nhận thức đầy đủ dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề thực tiễn tình huống để rút ra những kiến thức ngành luật kinh tế một cách khoa học.	P4
PLO5	Kỹ năng đề xuất sử dụng công nghệ một cách sáng tạo trong thực tế nâng cao giá trị học thuật pháp lý để tổ chức, quản trị các hoạt động kinh doanh thương mại tiên tiến vào thực tiễn công việc	A5
c	Kỹ năng tương tác	

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	MĐNL
PLO6	Áp dụng thành thạo năng lực vận dụng tình huống từ đơn giản đến phức tạp dựa trên kết quả thực nghiệm vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và với những người khác.	
PLO6.1	Áp dụng thành thạo năng lực truyền đạt tri thức vào tình huống thực tế dựa trên thảo luận các vấn đề chuyên môn ngành luật kinh tế với người cùng ngành Luật kinh tế ứng dụng hoặc với những người ứng dụng khác.	P4
PLO6.2	Thể hiện thuần thục các kỹ năng đã học và thực tiễn thực hiện pháp luật về lĩnh vực kinh tế	
PLO7	Phân tích được các kỹ năng thành thạo chuyên sâu vào thực tiễn, năng động ứng dụng những sáng kiến pháp lý quan trọng với trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.	P4
D	Năng lực thực hành nghề nghiệp (Năng lực tự chủ)	
PLO8	Tạo ra được công thức hành nghề ngành luật kinh tế phù hợp với thực tiễn tổ chức, hoạt động kinh doanh, thương mại của các chủ thể kinh doanh theo quy định của pháp luật trong nền kinh tế thị trường.	R4

2.4. Bảng ma trận các học phần và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng ứng dụng

STT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Khối kiến thức	Số TC	Loại HP	Chuẩn đầu ra (PLO)							
							1	2	3	4	5	6	7	8
HỌC PHẦN BẮT BUỘC					27									
1	100409	11100013	Triết học	Chung	4(4,0)	BB	C4			P4		P4		
2	103163	18100021	Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý	Chuyên ngành	2(2,0)	BB	C4		P4					R4
3	103164	18100023	Pháp luật lao động và an sinh xã hội nâng cao	Chuyên ngành	3(3,0)	BB		C4		P4			P4	
4	103165	18100025	Các tội phạm kinh tế và phòng, ngừa tội phạm trong hoạt động kinh doanh	Chuyên ngành	3(3,0)	BB		C4		P4		P4		
5	103166	18100031	pháp luật đất đai và kinh doanh bất động sản	Chuyên ngành	3(3,0)	BB	C4		C4			P4		
6	103167	18100033	Pháp luật thương mại hàng hóa, dịch vụ và thương mại điện tử nâng cao	Chuyên ngành	2(2,0)	BB			C4			P4		R4

STT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Khối kiến thức	Số TC	Loại HP	Chuẩn đầu ra (PLO)							
							1	2	3	4	5	6	7	8
7	103168	18100030	Pháp luật quản lý giá và chất lượng sản phẩm hàng hóa trong kinh doanh, thương mại nâng cao	Chuyên ngành	3(3,0)	BB	C4			P4				R4
8	103169	18100040	Pháp luật an toàn thực phẩm	Chuyên ngành	2(2,0)	BB			C4	P4				R4
9	103170	18100045	Pháp luật bảo vệ môi trường trong kinh doanh	Chuyên ngành	2(2,0)	BB	C4			P4			R4	
10	103171	18102037	Kỹ năng giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại	Chuyên ngành	3(2,1)	BB			C4			P4		R4
HỌC PHẦN TỰ CHỌN: 12 tín chỉ (Chọn 07 học phần; mỗi học phần 2 tín chỉ)					14									
1	103175	18100024	Pháp luật tài sản trong hoạt động kinh doanh	Chuyên ngành	2(2,0)	TC		C4				P4		R4
2	103176	18100026	Pháp luật đấu thầu, đấu giá hàng hóa, dịch vụ	Chuyên ngành	2(2,0)	TC		C4				P4		R4

STT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Khối kiến thức	Số TC	Loại HP	Chuẩn đầu ra (PLO)							
							1	2	3	4	5	6	7	8
3	103177	18100027	Pháp luật cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng nâng cao	Chuyên ngành	2(2,0)	TC		C4				P4		R4
4	103178	18100028	Pháp luật quyền sở hữu công nghiệp nâng cao	Chuyên ngành	2(2,0)	TC		C4		P4		P4		
5	103179	18100029	Tư vấn pháp luật về đầu tư	Chuyên ngành	2(1,1)	TC	C4					P4		R4
6	103180	18100022	Pháp luật chủ thể kinh doanh	Chuyên ngành	2(2,0)	TC		C4		P4			P4	
7	103181	18100032	Pháp luật hợp đồng kinh doanh, thương mại	Chuyên ngành	2(2,0)	TC		C4				P4		R4
8	103182	18100035	Pháp luật phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã	Chuyên ngành	2(2,0)	TC		C4				P4		R4
9	103186	18100046	Pháp luật kinh tế số	Chuyên ngành	2(2,0)	TC			C4	P4			P4	
10	103183	18100036	Pháp luật dịch vụ Logistics và vận tải đa phương thức	Chuyên ngành	2(2,0)	TC	C4		C4				P4	

STT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Khối kiến thức	Số TC	Loại HP	Chuẩn đầu ra (PLO)							
							1	2	3	4	5	6	7	8
11	103184	18100038	Tư vấn pháp luật thuế trong kinh doanh, thương mại	Chuyên ngành	2(1,1)	TC			C4			P4	P4	
12	103185	18100039	Pháp luật kinh doanh chứng khoán	Chuyên ngành	2(2,0)	TC			C4	P4				R4
13	103187	18100034	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong kinh doanh, thương mại	Chuyên ngành	2(2,0)	TC		C4		P4				R4
14	103188	18100042	Pháp luật quản lý ngoại thương	Chuyên ngành	2(2,0)	TC		C4		P4			P4	
15	103189	18100041	Pháp luật ngân hàng	Chuyên ngành	2(2,0)	TC	C4				A5		P4	
Chuyên đề thực hành					5									
1	103192	18101043	Chuyên đề thực hành 1	Chuyên ngành	1(0,1)	BB		C4	C4		A5		P4	R4
2	103193	18101044	Chuyên đề thực hành 2	Chuyên ngành	1(0,1)	BB		C4	C4		A5		P4	R4
3	103194	18101045	Chuyên đề thực hành 3	Chuyên ngành	1(0,1)	BB		C4	C4		A5		P4	R4
THỰC TẬP, ĐỀ ÁN					16									

STT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Khối kiến thức	Số TC	Loại HP	Chuẩn đầu ra (PLO)							
							1	2	3	4	5	6	7	8
1	103195	18104043	Thực tập	Chuyên ngành	8 (0,8)	BB		C4	C4		A5		P4	R4
2	103196	18103044	Đề án	Chuyên ngành	8 (0,8)	BB		C4	C4		A5		P4	R4
Số lượng học phần đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo							8	15	13	6	5	13	11	17

Ghi chú: (*) là học phần cốt lõi, thuộc nhóm các học phần bắt buộc (hoặc tự chọn theo định hướng) và phải bao gồm các học phần Thực tập, Đề án.

3. Khối lượng học tập

3.1. Khối lượng học tập chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu

TT	Thành phần	Khối lượng học tập	Tỷ lệ %
1	Triết học	4 tín chỉ	6.67%
2	Học phần chuyên ngành	29 tín chỉ	48.33%
3	Các chuyên đề nghiên cứu, thực tập	12 tín chỉ	20%
4	Luận văn	15 tín chỉ	25%
Tổng số tín chỉ tích lũy		60 tín chỉ	

3.2. Khối lượng học tập chương trình đào tạo định hướng ứng dụng

TT	Thành phần	Khối lượng học tập	Tỷ lệ %
1	Triết học	4 tín chỉ	6.67%
2	Học phần chuyên ngành, đồ án học phần, chuyên đề	40 tín chỉ	66.7%
3	Thực tập	8 tín chỉ	13.33%
4	Đề án	8 tín chỉ	13.33%
Tổng số tín chỉ tích lũy		60 tín chỉ	

4. Thời gian đào tạo

Thời gian thiết kế: 1,5 năm.

Thời gian hoàn thành chương trình đào tạo tối đa bao gồm thời gian thiết kế và thời gian được phép kéo dài được quy định trong Quy chế đào tạo sau đại học (Ban hành kèm theo Quyết định số 1279/QĐ-DCT ngày 26/4/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh).

5. Văn bằng tốt nghiệp

Cấp bằng Thạc sĩ khi người học hoàn thành chương trình đào tạo, tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định và đáp ứng đủ các điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp theo Quy chế đào tạo sau đại học của Trường.

6. Chuẩn đầu vào

Người tham dự xét tuyển phải là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, có lý lịch bản thân rõ ràng; không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự; được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận; có đủ sức khỏe để học tập;

Người học có bằng tốt nghiệp đại học hoặc tương đương và đáp ứng các tiêu chuẩn xét tuyển hoặc thi tuyển đầu vào của Trường.

Người tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp được xét tuyển ngay sau khi tốt nghiệp.

Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành xét tuyển phải học bổ sung kiến thức 05 môn học (15 tín chỉ) trước khi nộp hồ sơ xét tuyển theo danh mục học phần bổ sung kiến thức.

Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành khác với ngành xét tuyển phải học bổ sung kiến thức 06 (18 tín chỉ) môn học trước khi nộp hồ sơ xét tuyển theo danh mục học phần bổ sung kiến thức.

*** Các học phần bổ sung cho nhóm ngành gần với ngành Luật kinh tế**

TT	Tên học phần	Tín chỉ	Ghi chú
1	Luật Quốc tế	3	
2	Luật Dân sự - Tổ tụng Dân sự	3	
3	Luật Hình sự - Tổ tụng Hình sự	3	
4	Luật Hiến pháp – Hành chính	3	
5	Pháp luật Thương mại hàng hóa, dịch vụ	3	
	Tổng cộng	15	

*** Các học phần bổ sung cho các nhóm ngành khác**

TT	Tên học phần	Tín chỉ	Ghi chú
1	Luật Quốc tế	3	
2	Luật Dân sự - Tổ tụng dân sự	3	
3	Luật Hình sự - Tổ tụng hình sự	3	
4	Luật Hiến pháp – Hành chính	3	
5	Pháp luật Thương mại hàng hóa, dịch vụ	3	
6	Luật Doanh nghiệp	3	
	Tổng cộng	18	

7. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

Theo Quy chế đào tạo sau đại học (Ban hành kèm theo Quyết định số 1279/QĐ-DCT ngày 26/4/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh) và Quy định thi, kiểm tra và đánh giá kết quả học tập (Ban hành kèm theo Quyết định số 2402/QĐ-DCT ngày 22/8/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh).

8. Quy chế đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

Xét và công nhận tốt nghiệp: theo Quy chế đào tạo sau đại học (Ban hành kèm theo Quyết định số 1279/QĐ-DCT ngày 26/4/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh).

Chuẩn ngoại ngữ: theo Quy định Chuẩn đầu ra ngoại ngữ (Ban hành kèm theo Quyết định số 1281/QĐ-DCT ngày 26/4/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh).

Chuẩn công nghệ thông tin: theo Quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin (Ban hành kèm theo Quyết định số 3297/QĐ-DCT ngày 07/11/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh).

9. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

TT	Vị trí việc làm	Cơ quan/ doanh nghiệp
1	Cán bộ quản lý trong các cơ quan Nhà nước	- Tại các cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương, cụ thể là: cơ quan lập pháp như Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và xã, phường; cơ quan hành pháp, như Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương là UBND cấp tỉnh và xã, phường; - Tại cơ quan bảo vệ pháp luật, cụ thể là Tòa án nhân dân ở địa phương cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương hoặc Viện kiểm sát nhân dân các cấp.
2	Chuyên gia pháp lý	- Các đơn vị sự nghiệp của nhà nước có liên quan đến thực thi pháp luật; - Các tổ chức xã hội nghề nghiệp dịch vụ pháp lý như: Luật sư; Luật gia; các công ty Luật và văn phòng luật sư. - Chuyên viên pháp chế tại các công ty, tổ chức tín dụng có nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao về thực tiễn ứng dụng pháp luật nói chung và nghiên cứu pháp luật kinh doanh, thương mại nói riêng.
3	Giảng dạy, trợ lý đào tạo	- Tham gia giảng dạy các học phần thuộc khối kiến thức ứng dụng trong đào tạo cử nhân chuyên ngành luật kinh doanh, thương mại tại các cơ sở đào tạo chuyên và không chuyên ngành luật. - Nghiên cứu tại các cơ sở nghiên cứu hoặc trợ giúp trong hoạt động đào tạo về pháp luật kinh tế như các trường đại học, các viện nghiên cứu, các trung tâm đào tạo và nghiên cứu; - Các tổ chức khác liên quan đến kiến thức pháp luật.

10. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sau khi hoàn thành xong khóa học, người học được nhận bằng thạc sĩ ngành Luật kinh tế (Master of Economic Law) trong vòng 18 tháng và có thể tiếp tục theo học nghiên cứu sinh để nâng cao trình độ Tiến sĩ ngành luật kinh tế.

11. Nội dung chương trình đào tạo

11.1. Nội dung chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu

TT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Số tín chỉ	Điều kiện (học trước (a); tiên quyết (b); song hành (c))
I. Học phần bắt buộc				27	
1	100409	11100013	Triết học	4(4,0)	

TT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Số tín chỉ	Điều kiện (học trước (a); tiên quyết (b); song hành (c))
2	103163	18100021	Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý	2(2,0)	
3	103164	18100023	Pháp luật lao động và an sinh xã hội nâng cao	3(3,0)	
4	103165	18100025	Các tội phạm kinh tế và phòng, ngừa tội phạm trong hoạt động kinh doanh	3(3,0)	
5	103166	18100031	Pháp luật đất đai và kinh doanh bất động sản	3(3,0)	
6	103167	18100033	Pháp luật thương mại hàng hóa, dịch vụ và thương mại điện tử nâng cao	2(2,0)	
7	103168	18100030	Pháp luật quản lý giá và chất lượng sản phẩm hàng hóa trong kinh doanh, thương mại nâng cao	3(3,0)	
8	103169	18100040	Pháp luật an toàn thực phẩm	2(2,0)	
9	103170	18100045	Pháp luật bảo vệ môi trường trong kinh doanh	2(2,0)	
10	103171	18102037	Kỹ năng giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại	3(2,1)	
II. Học phần tự chọn (<i>Chọn tối thiểu 03 học phần</i>)				6	
1	103175	18100024	Pháp luật tài sản trong hoạt động kinh doanh	2(2,0)	
2	103176	18100026	Pháp luật đấu thầu, đấu giá hàng hóa, dịch vụ	2(2,0)	
3	103177	18100027	Pháp luật cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng nâng cao	2(2,0)	
4	103178	18100028	Pháp luật quyền sở hữu công nghiệp nâng cao	2(2,0)	
5	103179	18100029	Tư vấn pháp luật về đầu tư	2(1,1)	
6	103180	18100022	Pháp luật chủ thể kinh doanh	2(2,0)	
7	103181	18100032	Pháp luật hợp đồng kinh doanh, thương mại	2(2,0)	

TT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Số tín chỉ	Điều kiện (học trước (a); tiên quyết (b); song hành (c))
8	103182	18100035	Pháp luật phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã	2(2,0)	
9	103186	18100046	Pháp luật kinh tế số	2(2,0)	
10	103183	18100036	Pháp luật dịch vụ Logistics và vận tải đa phương thức	2(2,0)	
11	103184	18100038	Tư vấn pháp luật thuế trong kinh doanh, thương mại	2(1,1)	
12	103185	18100039	Pháp luật kinh doanh chứng khoán	2(2,0)	
13	103187	18100034	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong kinh doanh, thương mại	2(2,0)	
14	103188	18100042	Pháp luật quản lý ngoại thương	2(2,0)	
15	103189	18100041	Pháp luật ngân hàng	2(2,0)	
III. Chuyên đề nghiên cứu, thực tập				12	
1	103172	18101040	Chuyên đề nghiên cứu 1	3(0,3)	
2	103173	18101041	Chuyên đề nghiên cứu 2	3(0,3)	
3	103174	18101042	Chuyên đề nghiên cứu 3	3(0,3)	
4	103190	18104047	Thực tập	3(0,3)	
IV. Luận văn					
1	103191	18100043	Luận văn	15(0,15)	
Tổng số tín chỉ toàn khóa				60	

11.2. Nội dung chương trình đào tạo định hướng ứng dụng

TT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Số tín chỉ	Điều kiện (học trước (a); tiên quyết (b); song hành (c))
I. Học phần bắt buộc				27	
1	100409	11100013	Triết học	4(4,0)	
2	103163	18100021	Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý	2(2,0)	
3	103164	18100023	Pháp luật lao động và an sinh xã hội nâng cao	3(3,0)	
4	103165	18100025	Các tội phạm kinh tế và phòng, ngừa tội phạm trong hoạt động kinh doanh	3(3,0)	
5	103166	18100031	Pháp luật đất đai và kinh doanh bất động sản	3(3,0)	
6	103167	18100033	Pháp luật thương mại hàng hóa, dịch vụ và thương mại điện tử nâng cao	2(2,0)	
7	103168	18100030	Pháp luật quản lý giá và chất lượng sản phẩm hàng hóa trong kinh doanh, thương mại nâng cao	3(3,0)	
8	103169	18100040	Pháp luật an toàn thực phẩm	2(2,0)	
9	103170	18100045	Pháp luật bảo vệ môi trường trong kinh doanh	2(2,0)	
10	103171	18102037	Kỹ năng giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại	3(2,1)	
II. Học phần tự chọn (Chọn tối thiểu 07 học phần)				14	
1	103175	18100024	Pháp luật tài sản trong hoạt động kinh doanh	2(2,0)	
2	103176	18100026	Pháp luật đấu thầu, đấu giá hàng hóa, dịch vụ	2(2,0)	
3	103177	18100027	Pháp luật cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng nâng cao	2(2,0)	
4	103178	18100028	Pháp luật quyền sở hữu công nghiệp nâng cao	2(2,0)	

TT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Số tín chỉ	Điều kiện (học trước (a); tiên quyết (b); song hành (c))
5	103179	18100029	Tư vấn pháp luật về đầu tư	2(1,1)	
6	103180	18100022	Pháp luật chủ thể kinh doanh	2(2,0)	
7	103181	18100032	Pháp luật hợp đồng kinh doanh, thương mại	2(2,0)	
8	103182	18100035	Pháp luật phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã	2(2,0)	
9	103186	18100046	Pháp luật kinh tế số	2(2,0)	
10	103183	18100036	Pháp luật dịch vụ Logistics và vận tải đa phương thức	2(2,0)	
11	103184	18100038	Tư vấn pháp luật thuế trong kinh doanh, thương mại	2(1,1)	
12	103185	18100039	Pháp luật kinh doanh chứng khoán	2(2,0)	
13	103187	18100034	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong kinh doanh, thương mại	2(2,0)	
14	103188	18100042	Pháp luật quản lý ngoại thương	2(2,0)	
15	103189	18100041	Pháp luật ngân hàng	2(2,0)	
III. Chuyên đề thực hành				3	
1	103192	18101043	Chuyên đề thực hành 1	1(0,1)	
2	103193	18101044	Chuyên đề thực hành 2	1(0,1)	
3	103194	18101045	Chuyên đề thực hành 3	1(0,1)	
VI. Thực tập				8	
1	103195	18104043	Thực tập	8(0,8)	
V. Đề án				8	
1	103196	18103044	Đề án	8(0,8)	
Tổng số tín chỉ toàn khóa				60	

12. Kế hoạch đào tạo

12.1. Chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu

TT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
Học kỳ 1: 22 tín chỉ					
Học phần bắt buộc				22	
1	100409	11100013	Triết học	4(4,0)	
2	103163	18100021	Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý	2(2,0)	
3	103164	18100023	Pháp luật lao động và an sinh xã hội nâng cao	3(3,0)	
4	103165	18100025	Các tội phạm kinh tế và phòng, ngừa tội phạm trong hoạt động kinh doanh	3(3,0)	
5	103172	18101040	Chuyên đề nghiên cứu 1	3(0,3)	
6	103167	18100033	Pháp luật thương mại hàng hóa, dịch vụ và thương mại điện tử nâng cao	2(2,0)	
7	103168	18100030	Pháp luật quản lý giá và chất lượng sản phẩm hàng hóa trong kinh doanh, thương mại nâng cao	3(3,0)	
8	103169	18100040	Pháp luật an toàn thực phẩm	2(2,0)	
Học kỳ 2: 20 tín chỉ					
Học phần bắt buộc				14	
1	103170	18100045	Pháp luật bảo vệ môi trường trong kinh doanh	2(2,0)	
2	103171	18100037	Kỹ năng giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại	3(2,1)	
3	103166	18100031	Pháp luật đất đai và kinh doanh bất động sản	3(3,0)	
4	103173	18101041	Chuyên đề nghiên cứu 2	3(0,3)	
5	103190	18104047	Thực tập	3(0,3)	
Học phần tự chọn (Chọn tối thiểu 03 học phần)				6	
6	103175	18100024	Pháp luật tài sản trong hoạt động kinh doanh	2(2,0)	
7	103176	18100026	Pháp luật đấu thầu, đấu giá hàng hóa, dịch vụ	2(2,0)	

TT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
8	103177	18100027	Pháp luật cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng nâng cao	2(2,0)	
9	103178	18100028	Pháp luật quyền sở hữu công nghiệp nâng cao	2(2,0)	
10	103179	18100029	Tư vấn pháp luật về đầu tư	2(1,1)	
11	103180	18100022	Pháp luật chủ thể kinh doanh	2(2,0)	
12	103181	18100032	Pháp luật hợp đồng kinh doanh, thương mại	2(2,0)	
13	103182	18100035	Pháp luật phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã	2(2,0)	
14	103183	18100036	Pháp luật dịch vụ logistics và vận tải đa phương thức	2(2,0)	
15	103184	18100038	Tư vấn pháp luật thuế trong kinh doanh, thương mại	2(1,1)	
16	103185	18100039	Pháp luật kinh doanh chứng khoán	2(2,0)	
17	103186	18100046	Pháp luật kinh tế số	2(2,0)	
18	103187	18100034	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong kinh doanh, thương mại	2(2,0)	
19	103188	18100042	Pháp luật quản lý ngoại thương	2(2,0)	
20	103189	1810041	Pháp luật ngân hàng	2(2,0)	
Học kỳ 3: 18 tín chỉ					
1	103174	18101042	Chuyên đề nghiên cứu 3	3(0,3)	
2	103191	18106043	Luận văn	15(0,15)	

12.2. Chương trình đào tạo định hướng ứng dụng

TT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
Học kỳ 1: 22 tín chỉ					
Học phần bắt buộc				22	
1	100409	11100013	Triết học	4(4,0)	
2	103163	18100021	Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý	2(2,0)	
3	103164	18100023	Pháp luật lao động và an sinh xã hội nâng cao	3(3,0)	
4	103165	18100025	Các tội phạm kinh tế và phòng, ngừa tội phạm trong hoạt động kinh doanh	3(3,0)	
5	103166	18100031	Pháp luật đất đai và kinh doanh bất động sản	3(3,0)	
6	103167	18100033	Pháp luật thương mại hàng hóa, dịch vụ và thương mại điện tử nâng cao	2(2,0)	
7	103168	18100030	Pháp luật quản lý giá và chất lượng sản phẩm hàng hóa trong kinh doanh, thương mại nâng cao	3(3,0)	
8	103169	18100040	Pháp luật an toàn thực phẩm	2(2,0)	
Học kỳ 2: 20 tín chỉ					
Học phần bắt buộc				6	
1	103170	18100045	Pháp luật bảo vệ môi trường trong kinh doanh	2(2,0)	
2	103171	18100037	Kỹ năng giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại	3(2,1)	
3	103192	18101043	Chuyên đề thực hành 1	1(0,1)	
Học phần tự chọn (Chọn tối thiểu 07 học phần)				14	
4	103175	18100024	Pháp luật tài sản trong hoạt động kinh doanh	2(2,0)	
5	103176	18100026	Pháp luật đấu thầu, đấu giá hàng hóa, dịch vụ	2(2,0)	
6	103177	18100027	Pháp luật cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng nâng cao	2(2,0)	

TT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
7	103178	18100028	Pháp luật quyền sở hữu công nghiệp nâng cao	2(2,0)	
8	103179	18100029	Tư vấn pháp luật về đầu tư	2(1,1)	
9	103180	18100022	Pháp luật chủ thể kinh doanh	2(2,0)	
10	103181	18100032	Pháp luật hợp đồng kinh doanh, thương mại	2(2,0)	
11	103182	18100035	Pháp luật phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã	2(2,0)	
12	103183	18100036	Pháp luật dịch vụ logistics và vận tải đa phương thức	2(2,0)	
13	103184	18100038	Tư vấn pháp luật thuế trong kinh doanh, thương mại	2(1,1)	
14	103185	18100039	Pháp luật kinh doanh chứng khoán	2(2,0)	
15	103186	18100046	Pháp luật kinh tế số	2(2,0)	
16	103187	18100034	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong kinh doanh, thương mại	2(2,0)	
17	103188	18100042	Pháp luật quản lý ngoại thương	2(2,0)	
18	103189	18100041	Pháp luật ngân hàng	2(2,0)	
Học kỳ 3: 18 tín chỉ					
Học phần bắt buộc				18	
1	103193	18101044	Chuyên đề thực hành 2	1(0,1)	
2	103194	18101045	Chuyên đề thực hành 3	1(0,1)	
3	103195	18104043	Thực tập	8(0,8)	
4	103196	18103044	Đề án	8(0,8)	

13. Kiểm soát và đảm bảo chất lượng đào tạo

Các đơn vị xây dựng và thực hiện Kế hoạch kiểm soát và đảm bảo chất lượng đào tạo theo Chương trình được phê duyệt và Quy định về công tác giảng dạy hiện hành.

14. Hướng dẫn thực hiện

14.1. Đối với các Khoa đào tạo, Bộ môn

- Có trách nhiệm tổ chức thực hiện đúng yêu cầu về nội dung của chương trình và tư vấn, hướng dẫn cho người học đăng ký các học phần.

- Phân công giảng viên phụ trách từng học phần và cung cấp đề cương học phần cho giảng viên để triển khai kế hoạch giảng dạy.

- Chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, cơ sở vật chất để đảm bảo thực hiện tốt chương trình.

- Chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, quy định các học phần tiên quyết, học trước và chuẩn bị giảng viên để đáp ứng yêu cầu giảng dạy.

- Kiểm tra, giám sát công tác giảng dạy của giảng viên theo Quy định về công tác giảng dạy, đảm bảo các hoạt động đổi mới phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá.

14.2. Đối với giảng viên

- Giảng viên cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương học phần để chuẩn bị bài giảng, phương pháp giảng dạy và các phương tiện dạy học phù hợp.

- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập và cung cấp cho người học để người học chuẩn bị trước khi lên lớp.

- Sử dụng đa dạng các phương pháp giảng dạy và học theo triết lý giáo dục ‘*Học tập chủ động, làm việc sáng tạo*’, thực hiện đúng các phương pháp kiểm tra, đánh giá quy định trong đề cương học phần.

- Rút kinh nghiệm đối với hoạt động giảng dạy của bản thân và tích cực tham gia vào hoạt động đổi mới phương pháp dạy học theo Quy định về công tác giảng dạy hiện hành.

14.3. Đối với người học

- Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập/giáo viên chủ nhiệm để lựa chọn học phần cho phù hợp với định hướng và năng lực học tập.

- Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp hoặc tham gia thực hành theo quy định.

- Phát huy tính tự chủ, tinh thần tự học, tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các hoạt động thảo luận, seminar, thực hành.

- Tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu và làm luận văn/đề án.

- Thực hiện nghiêm túc Quy chế thi, kiểm tra và đánh giá kết quả học tập.

15. Phê duyệt chương trình đào tạo

TP. HCM, ngày 29 tháng 4 năm 2025

TRƯỞNG KHOA

TP. HCM, ngày 29 tháng 4 năm 2025

P. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KH&ĐT

PGS.TS Lê Thị Hồng Ánh

TP. HCM, ngày 29 tháng 4 năm 2025

TRƯỞNG NGÀNH SAU ĐẠI HỌC

TP. HCM, ngày 29 tháng 4 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Lê Thị Hồng Ánh

MỤC LỤC

1. Mục tiêu đào tạo	1
2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	4
3. Khối lượng học tập	18
4. Thời gian đào tạo	18
5. Văn bằng tốt nghiệp	18
6. Chuẩn đầu vào	18
7. Phương pháp đánh giá kết quả học tập	19
8. Quy chế đào tạo và điều kiện tốt nghiệp	19
9. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp	20
10. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp	20
11. Nội dung chương trình đào tạo	21
12. Kế hoạch đào tạo	24
13. Kiểm soát và đảm bảo chất lượng đào tạo	28
14. Hướng dẫn thực hiện	28
15. Phê duyệt chương trình đào tạo	29